

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HSST
Ngày 07/02/ 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Kim Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Hoàng Văn Hưng.
2.Ông A Quyết.

-Thư ký phiên Toà: Ông Vũ Đức Huynh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên Toà: Ông Võ Quang Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 05/2018/HSST, ngày 02/01/2018 (Thụ lý cũ số: 47/2017/HSST, ngày 30/11/2017) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

A M1, tên gọi khác: Không, sinh năm 1993 tại xã Đ, huyện H, tỉnh T. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay : Thôn 8, xã Ng, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn) 4/12; dân tộc: Sô Rá; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông A DJon, sinh năm: 1950 (Đã chết) và bà Y H, sinh năm 1954; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không, tiền sự: Không, nhân thân: Chưa có tiền án; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/9/2017 cho đến nay đưa ra xét xử, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh A Ng, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn 8, xã Ng, huyện H, tỉnh T (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

1. Cháu A M2, sinh ngày 28/10/2006. Địa chỉ: Thôn 7, xã L, huyện H, tỉnh T (là con đẻ của anh A Ng). Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Cháu A M3, sinh ngày 14/4/2007. Địa chỉ: Thôn 8, xã Ng, huyện H, tỉnh T (là con đẻ của anh A Ng). Có mặt tại phiên tòa.

3. Cháu A M4, sinh ngày 15/12/2009. Địa chỉ: Thôn 8, xã Ng, huyện H, tỉnh T (là con đẻ của anh A Ng). Có mặt tại phiên tòa.

4. Cháu Y Ng, sinh ngày 19/10/2014. Địa chỉ: Thôn 7, xã L, huyện H, tỉnh T (là con đẻ của anh A Ng). Vắng mặt tại phiên tòa.

Người giám hộ cho cháu A M2 và cháu Y Ng là bà Y B, sinh năm 1955 (là bà ngoại của hai cháu và hiện đang nuôi dưỡng hai cháu). Địa chỉ: Thôn 7, xã L, huyện H, tỉnh T. Có mặt tại phiên tòa.

Người giám hộ cho cháu A M3 và cháu A M4 là anh A H, sinh năm 1974 (là bác rể của hai cháu và hiện đang nuôi dưỡng hai cháu). Địa chỉ: Thôn 8, xã Ng, huyện H, tỉnh T. Có mặt tại phiên tòa.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh A H, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn 8, xã Ng, huyện H, tỉnh T. Có mặt tại phiên tòa.

2. Anh A L, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn 8, xã Ng, huyện H, tỉnh T. Có mặt tại phiên tòa.

3. Bà Y H, sinh năm 1954. Địa chỉ: Thôn 8, xã Ng, huyện H, tỉnh T. Có mặt tại phiên tòa.

- Những người làm chứng:

1. Anh A X, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn 8, xã Ng, huyện H, tỉnh T. Có mặt tại phiên tòa.

2. Anh A V, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn 8, xã Ng, huyện H, tỉnh T. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh A B1 (tên gọi khác: A D), sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn 8, xã Ng, huyện H, tỉnh T. Có mặt tại phiên tòa.

- Người phiên dịch: Chị Y L, sinh năm 1987. Địa chỉ: Văn phòng Đảng ủy xã Ng, huyện H, tỉnh T. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 23/9/2017, A Ng đến nhà của A B1 (tên gọi khác A D) để lấy xe mô tô mà A Ng đã gửi ở đây thì gặp A M1 người cùng thôn. Biết A Ng lấy xe đi chơi nên A M1 rủ A Ng đến nhà của A V chơi và A Ng đồng ý, A M1 điều khiển xe mô tô biển số 34F8-0417 (xe của A Ng) chở A Ng đến nhà A V ở thôn 8, xã Ng. Khi đến nhà, A M1 và A Ng không gặp A V mà gặp A Ngh (tên gọi khác là A B2 là em trai của A V), A M1 và A Ng ngồi nói chuyện với A B2 một lúc thì A V về. Lúc này, A M1 hỏi A V “có mời gì nhậu không”, A V trả lời “có”, nghe vậy, A M1 đưa cho A Ng 12.000 đồng để đi mua rượu, A Ng điều khiển xe

mô tô đi mua 10.000 đồng rượu và 2.000 đồng đá để uống nước. Sau khi mua rượu về, A Ng, A M1, A V và A B2 ngồi ở nền phòng khách uống rượu. Trong lúc uống rượu, A V rủ A Ng đi Lâm Đồng làm thuê thì A Ng đồng ý. Khi uống gần hết rượu, A Ng nhờ A V chở về nhà thay quần áo và lấy đồ dùng sinh hoạt để chiều đi Lâm Đồng cùng A V. Sau khi A Ng chuẩn bị đồ xong, A V chở A Ng quay lại nhà mình, trên đường về A V ghé quán tạp hóa mua thêm 10.000 đồng rượu để về uống chia tay. Khi mọi người đang uống rượu thì A M1 hỏi A Ng mượn xe mô tô, A Ng đồng ý. Tuy nhiên, trong quá trình uống rượu thì A Ng lại đổi ý không cho A M1 mượn xe mô tô nữa. Khi nghe A Ng nói không cho mượn xe thì A M1 đi ra chỗ xe mô tô của A Ng đang dựng ở trước sân tháo cục IC trên xe ra giấu trong túi quần, sau đó vào ngồi uống rượu tiếp. Lúc này, A X bế theo con nhỏ đến chơi và vào ngồi uống rượu cùng. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, vì đói bụng nên A B2 không nhậu nữa A M1 đi lục cơm ăn, A X do con khóc nên bế ra góc sân trước nhà ngồi dỗ con, riêng A M1, A V và A Ng ngồi uống thêm một, hai ly nữa thì hết rượu cũng giải tán. A Ng lại chỗ xe mô tô đạp cần khởi động nhưng xe không nổ máy, A Ng đi vào đứng ở hiên nhà nhìn ra thấy A M1 đang ngồi ở xe lắp cục IC, A Ng nói với A M1 “đưa lại cái cục IC đó để tôi ráp lại tôi đi gọi đê đi Lâm Đồng”, A M1 nói “tao ráp cũng được mà”. Vì sợ A M1 ráp IC xong nổ máy xe chạy đi nên A Ng đi lại đẩy A M1 ngã ra đất, A M1 đứng lên ném cục IC rồi đẩy lại A Ng và nói “sao đẩy em”; A V đứng gần đó nhặt cục IC và nói “đừng có giỡn nhau nữa, để tao ráp cho”. Khi A V đang ngồi lắp IC thì giữa A M1 và A Ng vẫn cứ cãi xô đẩy nhau, A M1 đứng đối diện với A Ng và dùng tay phải nắm chặt đánh từ trên xuống trúng sượt vào vai trái của A Ng làm A Ng hơi nghiêng người qua trái, A M1 dùng tay trái nắm hờ đánh tiếp một cái theo hướng từ trên xuống, từ trái qua phải trúng vào phần cổ bên phải của A Ng. Bị đánh vào cổ, A Ng khựng người rồi từ từ ngã ngửa xuống nền sân đất bất tỉnh, miệng ra ít máu. Thấy vậy, A M1 lại nâng phần lưng và đầu của A Ng lên để A Ng dễ thở nhưng không thấy A Ng tỉnh lại, A M1 lấy xe mô tô chạy về làng gọi anh A B1 đến giúp cứu A Ng. Khi đến nơi, A B1 kiểm tra thấy A Ng đã tắt thở nên A B1 điện thoại báo cho Công an xã Ng.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số : 84/TT-TTPY ngày 23/9/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Kon Tum kết luận : Nguyên nhân chết của A Ng: Gãy cột sống cổ C5 – C6.

Tại Bản cáo trạng số: 44/CT-VKS, ngày 28/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T đã truy tố bị cáo A M1 về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 (*sửa đổi, bổ sung năm 2009*).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và trình bày lời luận tội, phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, trách nhiệm dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo A M1 phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”. Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 (*sửa đổi, bổ sung năm 2009*);

Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo A M1 từ 04 đến 05 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra sự việc, bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam, nhưng bị cáo đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia đình người bị hại số tiền là 40.680.000 đồng (*Bốn mươi triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng*). Tại phiên tòa, bà Y B người giám hộ cho cháu A M2 và cháu Y Ng, anh A H người giám hộ cho cháu A M3 và cháu A M4, anh A L người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm về trách nhiệm dân sự, tổn thất về tinh thần và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị c áo. Bà Y H là người đã bồi thường thay cho bị cáo cũng không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã bồi thường.

Tại phiên tòa, bị cáo A M1 khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo A M1 nhận thấy hành vi của mình là sai, bị cáo rất hối hận mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm trở về với gia đình làm người công dân tốt cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Hà và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị cáo bị truy tố:

Khoảng 10 giờ ngày 23/9/2017, tại sân nhà anh A V ở thôn 8, xã Ng, huyện H, tỉnh T. Sau khi uống rượu xong thì giữa bị cáo A M1 và A Ng phát sinh mâu thuẫn liên quan đến việc bị cáo mượn chiếc xe mô tô của A Ng để làm phương tiện đi lại trong thời gian A Ng đi Lâm Đồng làm thuê, lúc đầu A Ng đồng ý cho mượn nhưng sau đó A Ng không đồng ý. Trong lúc bị cáo A M1 ngồi lắp lại cục IC vào xe mô tô để trả cho A Ng mà bị cáo đã tháo ra trước đó thì bị A Ng dùng tay đẩy ngã xuống nền đất. Do đang bức tức việc A Ng không cho mượn xe cộng thêm việc bị A Ng đẩy ngã nên bị cáo đứng dậy dùng tay phải nắm chặt đánh từ trên

xuống trúng sượt vào vai trái của A Ng làm A Ng hơi nghiêng người qua trái, bị cáo dùng tay trái nắm hờ đánh tiếp một cái theo hướng từ trên xuống, từ trái qua phải trúng vào phần cổ bên phải của A Ng. Bị đánh vào cổ, A Ng khựng người rồi từ từ ngã ngửa xuống nền sân đất và tử vong sau đó. Theo kết luận giám định pháp y thể hiện: Nguyên nhân chết của A Ng: Gãy cột sống cổ C5 – C6.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a, b, c...k;

2....

3. Phạm tội gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người hoặc từ 31% đến 60%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm.

Tuy nhiên, do chính sách pháp luật thay đổi, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì hành vi phạm tội của bị cáo có khung hình phạt cao nhất đến 14 năm tù thấp hơn so với khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, khi áp dụng hình phạt cần vận dụng Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 4 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo khi xử phạt bị cáo, cụ thể: Tại điểm a khoản 4 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a, b, c...k;

2.....

3.....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 14 năm:

a) Làm chết người;

...

[3] Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Thể hiện ý thức coi thường pháp luật, gây mất trật tự an toàn xã hội và trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo A M1 có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, phương tiện bị cáo dùng để gây thương tích cho người bị hại là dùng tay tác động lên phần vai và cổ của người bị hại, làm người bị hại ngã, hành vi đó của bị cáo đã gây nên thương tích và dẫn đến cái chết cho người bị hại. Việc người bị hại chết là ngoài ý muốn của bị cáo, mục đích của bị cáo là đánh người bị hại cho hết bực tức chứ không phải để tước đi mạng sống của người bị hại. Do vậy, cần đưa bị cáo ra xét xử và buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra là hoàn toàn đúng pháp luật.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

-Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 bộ luật hình sự năm 1999.

-Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả xảy ra cho gia đình người bị hại và gia đình người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

-Về nhân thân bị cáo: Bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật còn hạn chế, chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Sau khi cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên cũng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật. Nhưng cũng cần xử phạt bị cáo với mức án tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, biết tuân thủ pháp luật và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Về các vấn đề khác:

Về trách nhiệm dân sự: Xét ý kiến của bà Y B, anh A H, anh A L, bà Y H là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo A M1 phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, Thôn 8 (Thôn Kon Brông), xã Ng, huyện Đăk Hà nơi bị cáo sinh sống thuộc thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số: 582/QĐ-TTg, ngày 28/4/2017 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2016-2020 (văn bản trả lời số: 7/UBND-TH, ngày 17/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện H, tỉnh T). Nên bị cáo được miễn toàn bộ tiền án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Xét ý kiến luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố, hình phạt, trách nhiệm dân sự là có căn cứ và phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo A M1 phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” .

Căn cứ khoản 3 Điều 104; Điều 33; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo A M1 54 (*Năm mươi tư*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 24/9/2017).

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo A M1 được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 332; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, Người giám hộ cho người đại diện hợp pháp của người bị hại, Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (07 tháng 02 năm 2018) lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- CA huyện;
- Chi cục THA huyện;
- THA hình sự;
- Bị cáo;
- NDDHP của bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đoàn Thị Kim Anh

